

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NS
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS-ST

Ngày: 20/9/2022

“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NS, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Trần Thị Liên, bà Bùi Thị Quy.**

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NS tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện NS, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 94/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐHPTST-HNGĐ ngày 12/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Hữu M, sinh năm 1956.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956.

Đều có địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện NS, tỉnh Hải Dương.

Ông M có mặt, bà N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn ông Đặng Hữu M trình bày: Ông Đặng Hữu M và bà Nguyễn Thị N được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau năm 1980 có đăng ký kết hôn tại Lâm trường, huyện Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, bà N về quê ở thôn Đ, xã B sinh sống. Năm 1984, ông M cũng về quê chung sống cùng bà N. Do sơ suất nên ông bà đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn. Ông M đã trở lại Lâm trường Kế Bào xin xác nhận nhưng Lâm trường đã giải thể từ lâu. Vì vậy, ông không có giấy chứng nhận kết hôn để giao nộp cho Tòa án. Ông bà chung sống bình thường được hơn 30 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông bà không hợp nhau dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Ông M đã dọn ra khỏi nhà và hiện đang ở nhờ nhà anh trai của ông M. Ông bà sống ly thân nhau gần 03 năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Ông M đã làm đơn xin ly

hôn bà N nhưng lại rút đơn về. Sau đó, ông bà không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng, vẫn sống ly thân nhau đến nay. Ông M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông đề nghị được ly hôn bà N.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung là HN, sinh năm 1980, ĐN, sinh năm 1984 và ĐHT, sinh năm 1985. Các con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng nên ông không có đề nghị gì.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Ông M và bà N tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà N nhất trí với ông M về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn và quá trình chung sống. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, theo bà N là do 05 năm trở lại đây, ông M bị bệnh tim, chỉ có đi chơi và tập thể dục. Ông M có quan hệ bất chính với bà H. Bà và các con đã khuyên can thì ông M lại về sống với bà bình thường. Ông M tự ăn riêng và chuyển ra ở riêng từ ngày 10/7/2021 đến nay. Việc ông M có quan hệ bất chính với người khác, bà không có căn cứ chứng minh, chưa đề nghị cơ quan có thẩm quyền nào giải quyết, không đề nghị Tòa án xác minh nội dung này. Ông M đã làm đơn xin ly hôn bà một lần sau đó lại rút đơn về. Từ đó đến nay, ông bà không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông bà sống ly thân, không gặp gỡ, không trò chuyện với nhau. Bà N xác định ông bà có mâu thuẫn với nhau từ lâu rồi vì không hợp nhau chứ không vì lý do nào khác. Bà N không còn tình cảm với ông M, không muốn chung sống cùng ông M nhưng không muốn ly hôn vì muốn giữ gia đình làm chỗ dựa cho con cháu.

Về con chung: Bà N trình bày thống nhất với ông M. Ông bà có ba con chung đều đã trưởng thành nên bà không có đề nghị gì.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Ông bà tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người làm chứng - Anh ĐHT trình bày: Anh là con của ông M và bà N. Hơn 01 năm trở lại đây, anh thấy ông M hay đến nhà bà H nên anh đi theo thì thấy ông M đi từ nhà bà H ra. Sau đó 01 tuần, anh lại phát hiện ông M và bà H vào một nhà nghỉ. Về nhà, anh nói chuyện với ông M thì ông M có hứa sẽ từ từ bỏ bà H. Nhưng theo anh T, ông M chưa bỏ được bà H. Vì nguyên nhân đó mà ông M và bà N thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau và ăn riêng. Ngày 10/7/2021, ông M dọn hết đồ đạc ra khỏi nhà và sống ly thân bà N. Anh không có căn cứ chứng minh về việc ông M có quan hệ bất chính với bà H nên không giao nộp cho Tòa án được. Nay ông M xin ly hôn, anh và gia đình đã khuyên can nhiều nhưng không được. Ông M kiên quyết xin ly hôn là quyền của ông M.

Kết quả xác minh tại địa phương: Ông M và bà N chung sống cùng nhau tại thôn Đ. Quá trình chung sống, ông bà có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cách

đây khoảng 03 tháng, bà N nghi ngờ ông M có quan hệ bất chính với người khác. Từ đó vợ chồng cãi nhau, con cái cũng có mâu thuẫn. Trước đây, không biết vì lý do gì, ông M đã làm đơn xin ly hôn bà N, sau đó ông M rút đơn về. Hiện nay, ông M đã dọn về nhà cũ của bố mẹ ông M ở, còn bà N vẫn ở nhà của vợ chồng. Ông bà không yêu cầu địa phương giải quyết vấn đề gì liên quan đến mâu thuẫn vợ chồng. Ông bà có ba con chung đều đã trưởng thành.

Tại phiên tòa: Ông M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông khẳng định ông và bà N có đăng ký kết hôn tại Lâm Trường. Ông bà không đăng ký kết hôn tại bất cứ Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nào khác. Ông bà chung sống với nhau từ năm 1980 và sinh con đầu tiên là HN ngày 04/12/1980. Thời gian gần đây, ông bị bệnh tim không làm được việc nặng. Ông bà nảy sinh nhiều bất đồng nên thường cãi nhau, dẫn đến các con cũng mâu thuẫn với ông. Ông đã đi khỏi nhà để tránh mâu thuẫn với bà N chứ không phải vì ông có quan hệ bất chính với người khác. Bà N và anh T khai ông có quan hệ bất chính với bà H là không đúng. Đến nay, ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Ông xin ly hôn bà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NS trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên tòa chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M. Tuyên xử: Ông Đặng Hữu M ly hôn bà Nguyễn Thị N. Về án phí: Ông M được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là bà N đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông M và bà N được tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau từ đầu năm 1980. Ông bà đều trình bày ông bà có đăng ký kết hôn tại Lâm trường, huyện Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh nhưng do sơ suất, ông bà đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn. Hiện nay Lâm trường đã giải

thể nên ông không xin xác nhận về việc ông bà có đăng ký kết hôn để giao nộp cho Tòa án.

Theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959: Việc kết hôn phải được Ủy ban hành chính cơ sở nơi trú quán của bên người con trai hoặc bên người con gái công nhận và ghi vào sổ kết hôn. Mọi nghi thức kết hôn khác đều không có giá trị về mặt pháp luật.

Lâm Trường không phải là Ủy ban hành chính cơ sở do đó không có thẩm quyền cấp giấy Chứng nhận kết hôn cho công dân. Ông M bà N cũng không có căn cứ chứng minh nào khác về việc đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban hành chính cơ sở có thẩm quyền. Tuy nhiên, ông bà kết hôn với nhau đầu 1980, có con chung đầu tiên là HN, sinh ngày 14/12/1980 và chung sống với nhau đến ngày 10/7/2021 thì sống ly thân. Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân giữa ông M và bà N được xác định là hôn nhân thực tế và hợp pháp.

Ông bà chung sống bình thường được hơn 30 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Theo ông M, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà không hợp nhau dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Ông M đã làm đơn xin ly hôn bà N nhưng lại rút đơn về. Sau đó, ông bà không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng, vẫn sống ly thân nhau đến nay. Ông bà sống ly thân nhau từ ngày 10/7/2021 đến nay, không còn quan tâm đến nhau, không còn tình cảm vợ chồng.

Ban đầu bà N cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông M có quan hệ bất chính với bà H nhưng bà không có căn cứ chứng minh. Sau đó, bà N xác định ông bà có mâu thuẫn với nhau từ lâu rồi vì không hợp nhau chứ không vì lý do nào khác. Bà N không còn tình cảm với ông M, không muốn chung sống cùng ông M, ông bà sống ly thân từ 10/7/2021 đến nay nhưng bà không muốn ly hôn vì muốn giữ gia đình làm chỗ dựa cho con cháu.

Lời khai của các đương sự cơ bản phù hợp với lời khai của người làm chứng và cung cấp của địa phương. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa ông M và bà N là có thật và xảy ra đã lâu. Ông bà đều thừa nhận đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm M, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu của ông M, cho ông M ly hôn bà N để hai bên ổn định cuộc sống là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông M và bà N có 03 con chung là HN, sinh năm 1980, ĐN, sinh năm 1984 và ĐHT, sinh năm 1985. Các con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng nên ông bà không có đề nghị gì. Do đó, Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Ông M và bà N tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[5] Về án phí: Ông M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Tuy nhiên, ông M đã trên 60 tuổi nên được miễn án phí theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hữu M.

Tuyên xử: Ông Đặng Hữu M ly hôn bà Nguyễn Thị N.

3. Về án phí: Ông Đặng Hữu M được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Sách;
- CCTHADS huyện NS;
- Đ- ông sự;
- L- u hồ sơ. lưu văn phòng

Phạm Thúy Hằng

